

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

Thông tư: Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho dàn dựng và biểu diễn các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam.

Đơn vị chủ trì xây dựng: Cục Nghệ thuật biểu diễn.

I. Cơ sở pháp lý:

1. Phương pháp xây dựng định mức

- Phương pháp thống kê, tổng hợp:

Căn cứ số liệu thống kê thực tế từ các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp trong giai đoạn ít nhất 03 năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức, Tổ soạn thảo tổng hợp, phân tích từng bước thực hiện cho dàn dựng một chương trình, vở diễn loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam để xác định hao phí nhân công, vật liệu, máy móc thiết bị theo từng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài.

- Phương pháp so sánh:

Tổ soạn thảo tiến hành đối chiếu, so sánh các trị số định mức đã xác định với định mức kinh tế - kỹ thuật của các loại hình nghệ thuật tương đương đã được ban hành, đặc biệt là các quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg, từ đó hiệu chỉnh trị số định mức phù hợp với đặc thù của nghệ thuật Múa Rối.

- Phương pháp tiêu chuẩn:

Trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi và các tiêu chuẩn chuyên môn của hạng, bậc viên chức trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, Tổ soạn thảo xây dựng các trị số định mức đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thực tiễn.

- Phương pháp phân tích, thực nghiệm:

Tổ soạn thảo trực tiếp nghiên cứu, phân tích từng quy trình, bước công việc cụ thể của dịch vụ dàn dựng chương trình; căn cứ kết quả khảo sát tại các đơn vị nghệ thuật tiêu biểu, kết hợp kinh nghiệm thực tiễn của các chuyên gia, nghệ nhân lành nghề để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức.

2. Cơ sở pháp lý và thực tiễn

2.1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

- Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn đối với diễn viên, nhạc công các đơn vị nghệ thuật biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (hoặc quy định mới thay thế);

- Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch, trong đó có dịch vụ phát huy các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam;

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15; trong đó, Điều 18 quy định về cơ chế đặc thù đối với các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù có nguy cơ mai một, thất truyền;

- Quyết định số 2433/QĐ-BVHTTDL ngày 03/10/2022 và Quyết định số 2516/QĐ-BVHTTDL ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về xây dựng và triển khai định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn;

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của Việt Nam gồm Tuồng, Dân ca kịch, Chèo, Cải lương và Múa rối là những di sản văn hóa nghệ thuật có giá trị đặc sắc, phản ánh lịch sử hình thành, phát triển, đời sống tinh thần, phong tục tập quán và bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam qua nhiều thời kỳ.

Nghệ thuật Múa rối, đặc biệt là múa rối nước, là loại hình nghệ thuật sân khấu độc đáo gắn liền với nền văn minh lúa nước của người Việt, kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật tạo hình, biểu diễn, âm nhạc và kỹ thuật điều khiển con rối. Đây

là loại hình nghệ thuật truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, có giá trị văn hóa đặc sắc và được đông đảo công chúng trong nước, quốc tế biết đến.

Nghệ thuật Tuồng là loại hình sân khấu cổ điển mang tính bác học, có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, phản ánh những giá trị về đạo đức, nhân văn, tinh thần yêu nước và truyền thống lịch sử dân tộc. Nghệ thuật Tuồng có hệ thống biểu diễn mang tính ước lệ, cách điệu cao, đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu đối với đội ngũ tác giả, đạo diễn, diễn viên và các lực lượng sáng tạo tham gia.

Loại hình nghệ thuật Dân ca kịch là loại hình nghệ thuật sân khấu biểu diễn dựa trên nền tảng các làn điệu dân ca và hình thức diễn xướng dân gian đặc trưng của từng vùng miền. Các vở diễn có cốt truyện, nhân vật và được lồng ghép âm nhạc, vũ đạo, phục trang để truyền tải thông điệp.

Nghệ thuật Chèo là loại hình sân khấu dân gian truyền thống tiêu biểu của vùng đồng bằng Bắc Bộ, gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa cộng đồng, phản ánh sinh động đời sống xã hội, phong tục tập quán, tâm tư, tình cảm của người dân lao động. Nghệ thuật Chèo có đặc trưng riêng về âm nhạc, diễn xuất, lời ca, động tác biểu diễn và kỹ thuật dàn dựng sân khấu.

Nghệ thuật Cải lương là loại hình sân khấu truyền thống đặc sắc của khu vực Nam Bộ, được hình thành trên cơ sở kế thừa nghệ thuật đờn ca tài tử và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố nghệ thuật sân khấu hiện đại. Với đặc trưng giàu tính trữ tình, biểu cảm và gần gũi với đời sống đương đại, Cải lương đã trở thành một trong những loại hình nghệ thuật có sức ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống văn hóa của nhân dân.

Hiện nay, các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Trung ương và địa phương đang thường xuyên tổ chức dàn dựng, phục dựng, bảo tồn và biểu diễn các chương trình, vở diễn thuộc các loại hình Múa rối, Tuồng, Chèo, Dân ca kịch và Cải lương để phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân, quảng bá văn hóa Việt Nam và tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế.

Thực tiễn cho thấy, quá trình dàn dựng và biểu diễn các loại hình nghệ thuật nêu trên bao gồm nhiều công đoạn chuyên môn đặc thù, từ khảo cứu, sưu tầm chất liệu văn hóa, xây dựng và chỉnh lý kịch bản, sáng tác âm nhạc, biên đạo, thiết kế mỹ thuật, phục trang, đạo cụ, tổ chức tập luyện, chế tác đạo cụ chuyên dụng đến tổ chức biểu diễn và hoàn thiện hồ sơ chuyên môn. Mỗi loại hình có những yêu cầu riêng về quy trình thực hiện, khối lượng công việc, thành phần nhân lực, trang thiết bị và vật tư sử dụng.

Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định đầy đủ và thống nhất định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ dàn dựng và dịch vụ biểu diễn các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù nêu

trên. Việc áp dụng các mức chi phí tại các đơn vị còn chưa đồng bộ, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm thực tiễn hoặc quy định nội bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác lập dự toán, quản lý ngân sách, thanh quyết toán và đánh giá hiệu quả cung cấp dịch vụ công.

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ dàn dựng và dịch vụ biểu diễn đối với các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của Việt Nam gồm Múa rối, Tuồng, Chèo, Dân ca kịch và Cải lương là hết sức cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong tổ chức thực hiện, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị nghệ thuật công lập; đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy giá trị các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

II. Thuyết minh chi tiết:

Phần I: Thuyết minh định mức kinh tế - kỹ thuật cho dàn dựng các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam.

* Đơn vị tính: 01 chương trình, vở diễn hoặc tiết mục nghệ thuật Múa rối, Tuồng, Chèo, Dân ca kịch và Cải lương.

* Quy mô được chia thành:

- Tiểu phẩm (đến 20 phút);
- Vở ngắn (21 - 45 phút);
- Vở vừa (46 - 105 phút);
- Vở dài (trên 105 phút).

* Đánh giá chất lượng chương trình: Căn cứ vào đánh giá, nhận xét của Cục Nghệ thuật biểu diễn, đánh giá phân loại thành 3 mức:

Loại C - đánh giá: Đạt yêu cầu

Loại B - đánh giá: Hoàn thành tốt

Loại A - đánh giá: Xuất sắc

1. Thuyết minh hao phí lao động:

1.1. Biên kịch

Nội dung công việc:

- Xây dựng đề cương kịch bản;
- Khai thác chất liệu văn hóa dân gian;
- Xây dựng lời thoại, tình huống sân khấu;
- Hoàn thiện kịch bản theo góp ý hội đồng nghệ thuật.

Trị số định mức được áp dụng theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và văn bản thay thế (nếu có), tương ứng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài.

1.2. Đạo diễn

Nội dung công việc:

- Xây dựng ý tưởng dàn dựng;
- Tổ chức tập luyện;
- Chỉ đạo diễn xuất;
- Hoàn thiện chương trình biểu diễn.

Trị số định mức được áp dụng theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và văn bản thay thế (nếu có), tương ứng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài

1.3 Biên đạo múa

Nội dung công việc:

- Thiết kế ngôn ngữ hình thể;
- Xây dựng động tác;
- Hướng dẫn diễn viên tập luyện.

Trị số định mức được áp dụng theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và văn bản thay thế (nếu có), tương ứng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài

1.4. Nhạc sĩ

Nội dung công việc:

- Sáng tác âm nhạc;
- Phối khí;
- Biên tập âm nhạc;
- Hoàn thiện phần nhạc biểu diễn.

Trị số định mức được áp dụng theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và văn bản thay thế (nếu có), tương ứng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài

1.5. Chỉ huy dàn nhạc sân khấu

Nội dung công việc:

- Tổ chức luyện tập dàn nhạc;
- Chỉ huy biểu diễn;
- Phối hợp với đạo diễn và diễn viên.

Trị số định mức được áp dụng theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và văn bản thay thế (nếu có), tương ứng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài

1.6. Các chức danh thiết kế: Họa sĩ thiết kế bộ máy tạo hình con rối; Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu; Họa sĩ thiết kế phục trang; Họa sĩ thiết kế đạo cụ; Thiết kế ánh sáng; Thiết kế âm thanh.

Trị số định mức được áp dụng theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và văn bản thay thế (nếu có), tương ứng quy mô tiêu phẩm, vở ngắn, vở vừa và vở dài

1.7. Khảo cứu chất liệu văn hóa dân gian, nghệ thuật truyền thống

Nội dung công việc gồm:

- Thu thập tư liệu.
- Khảo sát thực địa.
- Nghiên cứu giá trị văn hóa dân gian.
- Phân tích khả năng ứng dụng vào chương trình múa rối.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.8. Đọc kịch bản:

Nội dung công việc:

- Đọc kịch bản
- Tìm kiếm kịch bản có nội dung phù hợp

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.9. Chuyển thể, biên tập, chỉnh lý kịch bản

Nội dung công việc:

- Chuyển thể tích trò.
- Biên tập nội dung.
- Hoàn thiện kịch bản biểu diễn.
- Điều chỉnh theo góp ý hội đồng nghệ thuật.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.10. Họp hội đồng nghệ thuật

Bao gồm:

- Tổ chức họp.
- Nghiên cứu hồ sơ.
- Đánh giá chuyên môn.
- Tổng hợp ý kiến góp ý.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.11. Trợ lý đạo diễn

Bao gồm:

- Hỗ trợ đạo diễn tổ chức tập luyện.
- Theo dõi tiến độ thực hiện.
- Tổng hợp yêu cầu chuyên môn.
- Điều phối các bộ phận liên quan.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.12. Hướng dẫn truyền nghề:

Nội dung công việc:

- Truyền dạy kỹ thuật điều khiển;
- Hướng dẫn thao tác;
- Kiểm tra kỹ năng biểu diễn.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.13. Chỉ đạo nghệ thuật

Bao gồm:

- Định hướng nghệ thuật tổng thể.
- Kiểm tra chất lượng chuyên môn.
- Duyệt các phương án dàn dựng.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.14. Hướng dẫn và xử lý võ thuật:

- Truyền dạy, hướng dẫn võ
- Hướng dẫn thao tác;
- Kiểm tra kỹ năng biểu diễn.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.15. Chủ nhiệm công trình:

- Chịu trách nhiệm toàn bộ chương trình
- Bao quát, giám sát chương trình từ luyện tập đến biểu diễn

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.16. Chỉ huy đêm diễn:

- Bao quát, quản lý đêm diễn
- Chỉ đạo buổi biểu diễn

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

1.17. Thiết kế và vận hành visual (màn hình Led)

Bao gồm:

- Thiết kế nội dung trình chiếu.
- Đồng bộ với kịch bản.
- Chạy thử và vận hành trong quá trình tập luyện, biểu diễn.

Khối lượng công việc tăng tương ứng với thời lượng và quy mô vở diễn.

BẢNG THUYẾT MINH CHI TIẾT ĐỊNH MỨC NHƯ SAU:

Đơn vị tính: Mức lương cơ sở

STT	Quy mô Chức danh	Tiểu phẩm (đến 20 phút)			Vở ngắn (từ 21 đến 45 phút)			Vở vừa (từ 46 đến 105 phút)			Vở dài (trên 105 phút)		
		Mức đánh giá			Mức đánh giá			Mức đánh giá			Mức đánh giá		
	C	B	A	C	B	A	C	B	A	C	B	A	
1	Biên kịch	12,0	33,0	54,0	20,7	60,1	99,4	41,4	82,4	123,4	62,9	104,4	145,8
2	Đạo diễn	8,0	22,0	36,0	13,8	40,1	66,3	27,6	55,0	82,3	41,9	69,6	97,2
3	Biên đạo múa	2,0	5,5	9,0	3,5	10,1	16,6	6,9	13,8	20,6	10,5	17,4	24,3
4	Nhạc sỹ (bao gồm sáng tác, phối khí, biên tập)	3,2	8,8	14,4	5,5	16,0	26,5	11,0	22,0	32,9	16,8	27,9	38,9
5	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu	1,6	4,4	7,2	2,8	8,1	13,3	5,5	11,0	16,5	8,4	13,9	19,4
6	Họa sỹ thiết kế mỹ thuật sân khấu	2,0	5,5	9,0	3,5	10,1	16,6	6,9	13,8	20,6	10,5	17,4	24,3
7	Họa sỹ thiết kế phục trang	1,6	4,40	7,2	2,8	8,1	13,3	5,5	11,0	16,5	8,4	13,9	19,4
8	Họa sỹ thiết kế đạo cụ	1,2	3,30	5,4	2,1	6,0	9,9	4,1	8,2	12,3	6,3	10,5	14,6
9	Người thiết kế ánh sáng	1,6	4,40	7,2	2,8	8,1	13,3	5,5	11,0	16,5	8,4	13,9	19,4
10	Người thiết kế âm thanh	0,8	2,20	3,6	1,4	4,0	6,6	2,8	5,5	8,2	4,2	7,0	9,7
11	Khảo cứu chất liệu văn hóa, nghệ thuật truyền thống, dân gian	5	13,25	21,5	6,3	17,4	28,4	10,4	20,7	31	14,6	24,8	35
12	Đọc kịch bản	4,5	15,90	27,3	7,9	21,7	35,4	15,4	30,7	46	25	42,5	60
13	Chuyển thể, biên tập, chỉnh lý kịch bản	6,7	18,35	30	13,4	36,7	60	26,7	53,4	80	41,7	70,9	100
14	Hội đồng nghệ thuật đánh giá, góp ý chuyên môn	1,2	3,10	5,0	1,5	4,0	6,4	3	5,7	8,3	4,4	7,5	10,5

15	Trợ lý đạo diễn	2,5	7,00	11,5	7,4	20,4	33,3	19,3	38,5	57,7	31,3	53,2	75
16	Thiết kế tạo hình con rối	10,4	28,60	46,8	19,8	54,3	88,8	38,5	77,0	115,4	62	106,0	150
17	Hướng dẫn, truyền nghề	2,9	7,20	11,5	5	13,8	22,5	15	30,0	45	33,4	56,7	80
18	Chỉ đạo nghệ thuật	4,0	10,90	17,8	7,5	21,6	35,6	15,4	30,8	46,2	25	42,5	60
19	Hướng dẫn và xử lý võ thuật	6,7	18,35	30,0	13,4	36,7	60	26,7	53,4	80	41,7	70,9	100
20	Chủ nhiệm công trình	10,4	28,60	46,8	19,8	54,3	88,8	38,5	77,0	115,4	62	106,0	150
21	Chỉ huy đêm diễn	2,9	7,15	11,4	5	13,8	22,5	15	30,0	45	33,4	56,7	80
22	Thiết kế và vận hành visual (màn hình Led)	4,5	15,90	27,3	7,9	21,7	35,4	15,4	30,7	46	25	42,5	60

2. Công đoạn sản xuất, chế tác

Bao gồm:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Sản xuất, chế tác cảnh cứng	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu
2	Sản xuất, chế tác cảnh mềm	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu
3	Sản xuất, chế tác con rối	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu
4	Sản xuất, modul, đạo cụ sân khấu	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu
5	Sản xuất, chế tác đạo cụ sân khấu	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu
6	Sản xuất, chế tác phục trang biểu diễn	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu
7	Sản xuất, chế tác phụ kiện biểu diễn	Trọn gói	Thực hiện theo Luật Đấu thầu

Vật tư sử dụng gồm:

- Sắt, thép, Gỗ, xốp, composite, sơn để chế tác cảnh trí, đạo cụ, con rối, sân khấu biểu diễn
- Vải, phụ kiện phục trang.
- Vật liệu trang trí sân khấu.

Do đặc thù mỗi chương trình có số lượng cảnh trí, con rối, đạo cụ, kích thước sân khấu, số lượng chất lượng trang phục... và yêu cầu mỹ thuật khác nhau nên chi phí được xác định theo dự toán và thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Công đoạn tập luyện

Bao gồm:

- Tập cá nhân.
- Tập phối hợp.
- Ghép cảnh.
- Chạy chương trình.
- Tổng duyệt chương trình.

Định mức áp dụng theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg hoặc văn bản thay thế.

4. Công đoạn hoàn thiện hồ sơ chuyên môn

4.1. Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ

Bao gồm:

- Tổng hợp hồ sơ chuyên môn.
- Sắp xếp, phân loại tài liệu.
- Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Định mức: 100 công.

4.2. Thẩm định chương trình

Bao gồm:

- Nghiên cứu hồ sơ.
- Đánh giá nội dung nghệ thuật.
- Tổ chức họp thẩm định.
- Hoàn thiện biên bản và hồ sơ trình phê duyệt.

Định mức: 200 công.

5. Hao phí máy móc, vật tư, thiết bị sử dụng:

Máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình dàn dựng gồm:

- Hệ thống âm thanh.
- Hệ thống ánh sáng.
- Màn hình Led.
- Máy tính phục vụ thiết kế.
- Thiết bị trình chiếu.
- Thiết bị ghi âm, ghi hình...

Do phụ thuộc quy mô và yêu cầu nghệ thuật của từng chương trình nên chi phí được xác định theo dự toán thực tế và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thuyết minh hao phí vật tư:

Vật tư sử dụng cho hoạt động biểu diễn gồm:

- Nhiên liệu, điện năng, nước...;
- Vật tư kỹ thuật sân khấu;
- Vật tư sửa chữa nhỏ;
- Văn phòng phẩm;
- Vật tư phục vụ công tác tổ chức biểu diễn;
- Các vật tư tiêu hao khác.

Khối lượng vật tư được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế của từng chương trình.

Phần II: Thuyết minh định mức kinh tế - kỹ thuật cho dàn dựng các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam.

* Đơn vị tính: 01 chương trình, vở diễn hoặc tiết mục nghệ thuật múa rối.

1. Giai đoạn chuẩn bị chương trình biểu diễn

* Khảo sát, lập kế hoạch tổ chức chương trình biểu diễn

Nội dung công việc:

- Khảo sát địa điểm biểu diễn;
- Xây dựng phương án tổ chức;
- Xác định yêu cầu kỹ thuật;
- Lập kế hoạch nhân sự;
- Xây dựng lịch trình thực hiện;

Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt.

Người thực hiện: Viên chức hạng I, II, III, IV hoặc tương đương.

Định mức: 40 công

* **Lắp dựng sân khấu, bể nước, kỹ thuật**

Nội dung công việc:

- Tập kết thiết bị;
- Lắp dựng sân khấu;
- Lắp đặt bể nước đối với biểu diễn múa rối nước;
- Lắp đặt hệ thống âm thanh;
- Lắp đặt hệ thống ánh sáng;
- Kiểm tra an toàn kỹ thuật;
- Chạy thử hệ thống.

Người thực hiện: Viên chức hạng II, III, IV hoặc tương đương.

Định mức: 50 công

*** Chuẩn bị cảnh trí, con rối, đạo cụ, phục trang**

Nội dung công việc:

- Kiểm tra cảnh trí, modul...
- Kiểm tra chất lượng con rối;
- Kiểm tra hệ thống điều khiển;
- Chuẩn bị đạo cụ;
- Chuẩn bị phục trang;
- Sắp xếp theo từng cảnh diễn;
- Khắc phục các hư hỏng phát sinh.

Người thực hiện: Viên chức hạng II, III, IV hoặc tương đương.

Định mức: 50 công

2. Giai đoạn tổ chức biểu diễn

*** Điều hành chương trình**

Nội dung công việc:

- Điều phối các bộ phận;
- Kiểm soát tiến độ chương trình;
- Xử lý các tình huống phát sinh;
- Bảo đảm chương trình diễn ra đúng kịch bản.

Người thực hiện: Viên chức hạng I, II, III hoặc tương đương.

Định mức: 40 công

*** Biểu diễn nghệ thuật múa rối**

Nội dung công việc:

- Thực hiện biểu diễn theo kịch bản được phê duyệt;
- Biểu diễn chương trình
- Phối hợp âm nhạc, ánh sáng, kỹ thuật sân khấu;
- Đảm bảo chất lượng nghệ thuật của chương trình.

Định mức áp dụng theo: **Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg hoặc văn bản thay thế.**

*** Vận hành âm thanh, ánh sáng**

Nội dung công việc:

- Điều khiển hệ thống âm thanh;
- Điều khiển hệ thống ánh sáng;
- Theo dõi và xử lý sự cố kỹ thuật;

- Bảo đảm chất lượng tín hiệu trong suốt chương trình.

Người thực hiện: Viên chức hạng II, III, IV hoặc tương đương.

Định mức: **50 công**

*** Chỉ huy đêm diễn**

Nội dung công việc:

- Chỉ đạo phối hợp nghệ thuật;
- Kiểm soát chất lượng biểu diễn;
- Điều phối giữa các bộ phận chuyên môn;
- Xử lý các tình huống đột xuất.

Người thực hiện: Viên chức hạng I, II, III hoặc tương đương.

Định mức: **04 công**

3. Giai đoạn kết thúc chương trình

*** Tháo dỡ sân khấu, bể nước, đạo cụ, thiết bị**

Nội dung công việc:

- Thu hồi thiết bị, cảnh trí, đạo cụ, phục trang;
- Tháo dỡ sân khấu;
- Tháo dỡ bể nước;
- Kiểm kê đạo cụ;
- Bàn giao mặt bằng.

Người thực hiện: Viên chức hạng II, III, IV hoặc tương đương.

Định mức: **50 công**

*** Tổng hợp đánh giá chuyên môn**

Nội dung công việc:

- Hợp rút kinh nghiệm;
- Đánh giá chất lượng nghệ thuật;
- Đánh giá hiệu quả tổ chức;
- Hoàn thiện báo cáo tổng kết.

Người thực hiện: Viên chức hạng I, II, III hoặc tương đương.

Định mức: **10 công**

4. Thuyết minh hao phí máy móc thiết bị:

Máy móc, thiết bị sử dụng phục vụ biểu diễn bao gồm:

- Hệ thống âm thanh;
- Hệ thống ánh sáng;
- Màn hình Led (nếu có);

- Máy tính điều khiển;
- Thiết bị trình chiếu;
- Thiết bị ghi hình, ghi âm.

Thời gian sử dụng máy móc được xác định theo thời gian chuẩn bị, chạy thử, biểu diễn và tháo dỡ thực tế.

Chi phí máy móc, thiết bị được xác định theo giá thuê hoặc giá sử dụng thực tế theo quy định hiện hành.

5. Thuyết minh hao phí vật tư:

Vật tư sử dụng cho hoạt động biểu diễn gồm:

- Nhiên liệu, điện năng;
- Vật tư kỹ thuật sân khấu;
- Vật tư sửa chữa nhỏ;
- Văn phòng phẩm;
- Vật tư phục vụ công tác tổ chức biểu diễn;
- Các vật tư tiêu hao khác.

Khối lượng vật tư được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế của từng chương trình./.